TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21/3/2025.
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tân.
2. Ông Trịnh Hữu Hải.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thuý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Phương T, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 501/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/01/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2025 và Thông báo số 04/TB-TA ngày 28/02/2025 về việc thay đổi thời gian mở phiên toà giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ H, ấp Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê H, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ H, ấp Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Bùi Thị Thanh N trình bày:

Bà N1 và ông Lê H quen biết tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do ông H thay đổi tính tình, chơi cờ bạc gây khó khăn kinh tế cho gia đình, gây bất hòa với gia đình vợ dẫn đến vợ chồng cãi vã, tình trạng căng thẳng, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt nhẽo. Do mâu thuẫn kéo dài, ông H dọa nạt, đe dọa nên từ dịp 30/4/2024, bà N1 và con gái là Lê Thị Ngọc Q dọn về nhà mẹ đẻ của bà N1 sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên chỉ

hỏi thăm con cái chứ không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà N1 yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với ông Lê H.

Về con chung: Bà và ông H có hai con chung là cháu Lê Ngọc Như Q1, sinh ngày 02/12/2016 và cháu Lê Thị Ngọc Q, sinh ngày 07/10/2011. Khi ly hôn, bà N1 có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông Lê H cấp dưỡng nuôi con. Hiện bà N1 đang làm công nhân, mức thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000đ đến 9.000.000đ. Ngoài ra, bà sống cùng cha mẹ ruột nên ông bà ngoại có phụ giúp bà chăm sóc các con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyệt không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên toà, bà N1 vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ý kiến bị đơn - ông Lê H: Quá trình tố tụng, Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng ông Lê H đều vắng mặt, cũng không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh N. Tại phiên tòa, ông Lê H vắng mặt, không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt, vi phạm quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyệt được ly hôn với ông H. Về con chung: Giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi, bà N không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyệt phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyệt khởi kiện xin ly hôn với ông Lê H, yêu cầu được trực tiếp nuôi con nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227 và Điều

228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà N, bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà N1 và ông Lê H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của bà N1 trong quá trình tố tụng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, bà N1 và ông Lê H đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, hơn nữa trong thời gian giải quyết vụ án, ông Lê H đều không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ còn bà N1 thì kiên quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N1, ông Lê H là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N1 đối với ông Lê H.

[2.2] Về nuôi con chung và cấp dưỡng: Căn cứ các bản sao giấy khai sinh của cháu Lê Ngọc Như Q1 và cháu Lê Thị Ngọc Q, có cơ sở để xác định: Bà N1 và ông Lê H có hai con chung là Lê Ngọc Như Q1, sinh ngày 02/12/2016 và Lê Thị Ngọc Q, sinh ngày 07/10/2011. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà N1 thì thấy: Bà N1 có việc làm, có thu nhập ổn định; các cháu Như Q1 và Ngọc Q đều là con gái, hơn nữa các cháu cũng có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cần thiết giao các con chung cho bà N1 trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 82 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng: Do bà N1 không yêu cầu nên ông Lê H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N1, ông Lê H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bà N1 phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 82 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của bà Bùi Thị Thanh N đối với ông Lê H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh N được ly hôn với ông Lê H.

Về con chung và cấp dưỡng: Giao hai con chung Lê Thị Ngọc Q, sinh ngày 07/10/2011 và Lê Ngọc Như Q1, sinh ngày 02/12/2016 cho bà Bùi Thị Thanh N trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi. Ông Lê H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Thanh N chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 1730 ngày 06 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Bùi Thị Thanh N đã nộp xong án phí.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, nguyên đơn, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Thị Huyền

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THADS huyện Châu Đức;
- Nơi ĐKKH: UBND xã Q.
(ĐKKH số 105 ngày 25/11/2009);
- Lưu hồ sơ vụ án.